

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG

Bản án số: 80/2024/DS-PT

Ngày: 19-9-2024

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Văn Hữu

**Các Thẩm phán tham gia:** Ông Bùi Danh Đại và ông Nguyễn Anh Ứng.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Trừ Minh Quốc, là Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc “tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐ-PT ngày 29/8/2024 các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Châu Thị Ánh N, sinh năm 1980 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

**Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1973 - Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

\* **Người kháng cáo:** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Thanh T1.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2023, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 29/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Châu Thị Ánh N trình bày:**

Ngày 01/01/2018 (âm lịch), bà N cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Hai bên lấy mẫu hợp đồng đầu tư phân bón đã in sẵn, ghi nội dung: bà T vay của bà N một số phân bón quy thành tiền (nền chữ in sẵn) là 300.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 20/12/2018 và thỏa thuận miêng lãi suất 01%/tháng. Bà T đã nhận đủ tiền, ký xác nhận vào bên vay.

Sau đó, để đảm bảo việc trả nợ và phòng trường hợp mất hợp đồng đầu tư phân bón, trong cùng ngày bà N có yêu cầu bà T viết thêm một giấy xác nhận vay số tiền 300.000.000 đồng (số tiền 300.000.000 đồng trong hợp đồng đầu tư phân bón và giấy xác nhận nợ là cùng một khoản nợ).

Từ khi khoản vay đến hạn, bà N đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà T không trả nợ, do đó bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả số tiền nợ gốc 300.000.000đ và tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N xác định bà T đã trả được 10.000.000 đồng vào năm 2018, 10.000.000 đồng năm 2019 và 10.000.000 đồng năm 2020 nên bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T trả 270.000.000 đồng tiền gốc và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung trả tiền lãi suất (do bị đơn yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện).

Đối với ông Lê Xuân Đ, chồng bà T không tham gia vào việc vay tiền nên bà N không có yêu cầu đối với ông Đ.

**2. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Ông T1 thừa nhận bà T có ký vào hợp đồng đầu tư phân bón và giấy xác nhận nợ như bà N đã trình bày. Tuy nhiên, bà T thực tế không nhận tiền và phân bón như các giấy tờ đã thể hiện. Cụ thể:

Ngày 01/01/2018, bà N đến nhà bà T giới thiệu việc bán phân bón cho cây trồng, bà T đồng ý mua. Để đảm bảo việc giao kết, bà N yêu cầu bà T viết trước giấy xác nhận nợ bà N số tiền 300.000.000 đồng, sau đó bà N sẽ giao phân bón cho bà T. Do giấy xác nhận nợ không thể hiện nội dung vay phân bón, nên cùng ngày bà T yêu cầu bà N lập lại một hợp đồng đầu tư phân bón khác.

Ngay khi hai bên ký hợp đồng, bà T đi xác minh thì phát hiện bà N không mở đại lý kinh doanh phân bón, không đăng ký giấy phép kinh doanh, phân bón chưa đăng ký khảo nghiệm trên cây trồng, chưa được phép lưu hành trên thị trường... nên đã từ chối thực hiện hợp đồng. Do đó, hợp đồng đầu tư phân bón ngày 01/01/2018 giữa bà N và bà T chưa được thực hiện.

Vì hai bên là quan hệ bạn bè thân thích, bà T tin tưởng bà N, mặt khác hợp đồng đầu tư phân bón không có tên phân bón, giá cả, số lượng quy đổi thành tiền, chứng minh hợp đồng này che đậy giao dịch khác nên bà T không yêu cầu bà N hủy bỏ hợp đồng đầu tư phân bón và giấy vay tiền đã ký.

Nay bà N dùng các hợp đồng này để khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 300.000.000 đồng thì bà T không đồng ý do bà không nhận tiền, không nhận phân bón của bà N. Chồng bà T là Lê Xuân Đ không tham gia ký kết hợp đồng nên đề nghị không triệu tập ông Đ.

*Tại bản án số 23/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã quyết định:*

*Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 115, Điều 158, Điều 166, Điều 429, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Ánh N về việc tranh chấp kiện đòi tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị T.*

*2. Buộc bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho bà Châu Thị Ánh N số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).*

*3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về trả tiền lãi do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.*

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/7/2024, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Thanh T1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý giảm cho bị đơn số tiền 50.000.000 đồng so với bản án sơ thẩm đã tuyên. Số tiền còn lại buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 220.000.000 đồng. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa

thuận của các đương sự. Đồng thời các bên đương sự đề nghị hủy bỏ “Hợp đồng đầu tư phân bón” ngày 01/01/2018.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất mỗi bên chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Xét thấy việc các bên thỏa thuận được với nhau tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T1 nộp trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý giảm số tiền 50.000.000 đồng so với bản án sơ thẩm đã tuyên, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn lại là 220.000.000 đồng. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ngoài ra các bên đương sự còn đề nghị hủy bỏ “Hợp đồng đầu tư phân bón” ngày 01/01/2018 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.000.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 50% theo thỏa thuận với số tiền là 5.000.000 đồng.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1.** Sửa bản án sơ thẩm số: 23/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị T chấp nhận trả cho bà Châu Thị Ánh N số tiền 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày bà Châu Thị Ánh N có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền nêu trên, nếu bà Nguyễn Thị T không trả thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

**2.** Ghi nhận việc các bên đương sự đề nghị hủy bỏ “Hợp đồng đầu tư phân bón” lập ngày 01/01/2018 giữa ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị T với bà Châu Thị Ánh N.

**3.** Về án phí:

*3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Bà Châu thị Ánh N1 phải chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) được khấu trừ số tiền 10.789.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp và hoàn trả cho bà Châu thị Ánh N1 số tiền 5.789.000 đồng theo Biên thu tạm ứng án phí số 0001704 ngày 08/11/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

*3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:* Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*báu trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005958 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

**4.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân*

*sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao TP HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa DS, HSVÀ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Lê Văn Hữu**

